

Số: /QĐ-BĐD

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2025
cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 8)**

**TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HĐQT
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các văn bản của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội: Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 1026/QĐ-NHCS ngày 29/3/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội; Công văn số 7064/NHCS-KHNV ngày 14/7/2025 về việc hướng dẫn một số nội dung về tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng và xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Công văn số 1459/NHCS-KHTD ngày 22/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2025 cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 8).

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với UBND các xã, phường và các ngành chức năng có liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

2. Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tại các văn bản có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

TRƯỞNG BAN**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**
Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC SỐ 01
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NGA SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở tăng/giảm (-)
1	Xã Nga Sơn	250
2	Xã Nga An	300
Cộng		550

PHỤ LỤC SỐ 02
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THỌ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)	
			Cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	Xã Sao Vàng	470	-80	550
2	Xã Xuân Tín	350		350
Cộng		820	-80	900

PHỤ LỤC SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI YÊN ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)				
			Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	Xã Yên Định	-800	-400	-700		600	-300
2	Xã Yên Phú	-500	-500	-500		500	
3	Xã Quý Lộc	-565	-300	-400	-565	700	
4	Xã Yên Trường	-1.130	-600	-400		600	-730
5	Xã Yên Ninh	-750	-500	-200		500	-550
6	Xã Định Tân	-150	-100	50		500	-600
7	Xã Định Hòa	-300	-300	-600		600	
Cộng		-4.195	-2.700	-2.750	-565	4.000	-2.180

PHỤ LỤC SỐ 04
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRIỆU SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở tăng/giảm (-)
1	Xã Triệu Sơn	-900
2	Xã Thọ Phú	-300
Cộng		-1.200

PHỤ LỤC SỐ 05
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NÔNG CỒNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)	
			Cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	Xã Nông Cống	-20		-20
2	Xã Thắng Lợi	-30		-30
3	Xã Công Chính	-75	-75	
Cộng		-125	-75	-50

PHỤ LỤC SỐ 06
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VĨNH LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)	
			Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
1	Xã Vĩnh Lộc	0	-1.000	1.000
2	Xã Tây Đô	-1.000	-1.000	
3	Xã Biện Thượng	500	-1.000	1.500
Cộng		-500	-3.000	2.500

PHỤ LỤC SỐ 07
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HÀ TRUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)			
			Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	Xã Hà Trung	1.000	-500		600	900
2	Xã Tống Sơn	-200		-900	700	
3	Xã Hà Long	-1.000		-2.100	700	400
4	Xã Lĩnh Toại	-1.300	-300	-1.500	500	
5	Xã Hoạt Giang	500			500	
Cộng		-1.000	-800	-4.500	3.000	1.300

PHỤ LỤC SỐ 08
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CẨM THỦY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở tăng/giảm (-)
1	Xã Cẩm Thủy	-150
Cộng		-150

PHỤ LỤC SỐ 09
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THẠCH THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)	
			Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	Xã Kim Tân	-265	-220	-45
2	Xã Vân Du	775	325	450
3	Xã Ngọc Trạo	-510	-510	
4	Xã Thạch Bình	-275	-305	30
5	Xã Thành Vinh	50	50	
6	Xã Thạch Quảng	950	695	255
Cộng		725	35	690

PHỤ LỤC SỐ 10
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BÁ THƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)				
			Cho vay hộ nghèo	Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	Xã Bá Thước	460	70	-400	860	-40	-30
2	Xã Thiết Ống	1.865	255	345	1.190	75	
3	Xã Văn Nho	500	-345	835	-10	20	
4	Xã Điền Quang	1.720	-550	760	1.280	230	
5	Xã Điền Lư	540	15	-275	940	-140	
6	Xã Quý Lương	545	-275	285	590	-55	
7	Xã Cổ Lũng	-685	-255	-35	-340	-55	
8	Xã Pù Luông	-915	-245	-515	-120	-35	
Cộng		4.030	-1.330	1.000	4.390	0	-30

PHỤ LỤC SỐ 11
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI LANG CHÁNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)			
			Cho vay hộ nghèo	Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	Xã Linh Sơn	-1.310	-470	-330	-470	-40
2	Xã Văn Phú	1.550	180	730	640	
3	Xã Đồng Lương	-520	-460	-750	690	
4	Xã Giao An	-80	-200	-130	250	
5	Xã Yên Thắng	590	-160	870	-120	
6	Xã Yên Khương	900	10	470	420	
Cộng		1.130	-1.100	860	1.410	-40

PHỤ LỤC SỐ 12
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NGỌC LẠC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo tăng/giảm (-)
1	Xã Minh Sơn	260
2	Xã Nguyệt Ấn	240
Cộng		500

PHỤ LỤC SỐ 13
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THƯỜNG XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)		
			Cho vay hộ nghèo	Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo
1	Xã Thường Xuân	110	-90	-540	740
2	Xã Luận Thành	490	-90	-230	810
3	Xã Tân Thành	650	-170	470	350
4	Xã Thắng Lợi	1.040	340	220	480
5	Xã Xuân Chinh	360	40	120	200
6	Xã Bát Mọt	50	-60	-30	140
7	Xã Lương Sơn	580	30	490	60
8	Xã Yên Nhân	750	230	100	420
9	Xã Vạn Xuân	270	-30	100	200
Cộng		4.300	200	700	3.400

PHỤ LỤC SỐ 14
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA HỘI SỞ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên phường	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)		
			Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
1	Phường Hạc Thành	95		95	
2	Phường Quảng Phú	-320	-30	-130	-160
3	Phường Đông Quang	-955	-225	-250	-480
4	Phường Đông Sơn	-1.410	-40	-640	-730
5	Phường Hàm Rồng	65	155		-90
6	Phường Nguyệt Viên	-100			-100
Cộng		-2.625	-140	-925	-1.560

PHỤ LỤC SỐ 15
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BỈM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên phường	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)				
			Cho vay hộ nghèo	Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	Phường Bím Sơn	-990	-100	20	-90	-320	-500
2	Phường Quang Trung	-1.170	-60		-50	-180	-880
Cộng		-2.160	-160	20	-140	-500	-1.380

PHỤ LỤC SỐ 16
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI QUAN SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)			
			Cho vay hộ nghèo	Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
1	Xã Trung Hạ	20	-180	-100	300	
2	Xã Quan Sơn	-220	-320	-100	200	
3	Xã Tam Lư	-50	-250	100	100	
4	Xã Tam Thanh	0	100	-100		
5	Xã Sơn Thủy	-150	-250	100		
6	Xã Sơn Điện	-300	-300	-100	100	
7	Xã Mường Mìn	50	100	-150	100	
8	Xã Na Mèo	650	100	-150	200	500
Cộng		0	-1.000	-500	1.000	500

PHỤ LỤC SỐ 17
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THIỆU HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)	
			Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
1	Xã Thiệu Hóa	200	-500	700
2	Xã Thiệu Toán	450	-200	650
3	Xã Thiệu Trung	-200	-200	
4	Xã Thiệu Tiến	-800	-800	
5	Xã Thiệu Quang	0	-300	300
Cộng		-350	-2.000	1.650

PHỤ LỤC SỐ 18
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI MƯỜNG LÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)			
			Cho vay hộ nghèo	Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
1	Xã Trung Lý	-400	-600			200
2	Xã Pù Nhi	300				300
3	Xã Tam Chung	400				400
4	Xã Quang Chiêu	-100	-400			300
5	Xã Mường Chanh	-400	-300	-300		200
6	Xã Mường Lý	0			-300	300
7	Xã Mường Lát	-100	-400			300
8	Xã Nhi Sơn	-700	-300	-200	-200	
Cộng		-1.000	-2.000	-500	-500	2.000

PHỤ LỤC SỐ 19
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NHƯ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)			
			Cho vay hộ nghèo	Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	Xã Như Xuân	-470	-140	-580	250	
2	Xã Xuân Bình	580	-320	-730	1.630	
3	Xã Hóa Quỳ	20	-20	-200	240	
4	Xã Thanh Phong	-330	-90	-80	-160	
5	Xã Thanh Quân	420	-190	100	320	190
6	Xã Thượng Ninh	-30	-90	-160	220	
Cộng		190	-850	-1.650	2.500	190

PHỤ LỤC SỐ 20
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI SÀM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên phường	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng/giảm (-)	
			Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	Phường Sầm Sơn	625		625
2	Phường Nam Sầm Sơn	435	-340	775
Cộng		1.060	-340	1.400